

Tình trạng đau vùng răng hàm mặt của một nhóm sinh viên chuyên khoa răng hàm mặt và đa khoa Trường Đại học Y Hà Nội

The status of orofacial pain of a group of dental students and medical students of Hanoi Medical University

Lê Long Nghĩa, Trần Thị Mỹ Hạnh

Trường Đại học Y Hà Nội

Tóm tắt

Mục tiêu: Mô tả tình trạng đau vùng răng hàm mặt của một nhóm sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội. *Đối tượng và phương pháp:* Sinh viên năm thứ 6 khóa 2011 - 2017, Trường Đại học Y Hà Nội chuyên ngành răng hàm mặt và đa khoa. *Phương pháp:* Mô tả cắt ngang. *Kết quả:* Nhạy cảm ngà có tỷ lệ lớn nhất (74,2%), đau buốt dữ dội vùng mặt có tỷ lệ thấp nhất (4,8%). Triệu chứng nhạy cảm lợi hoặc có đau lợi khi chải răng và triệu chứng tiếng kêu khớp chiếm tỷ lệ 47,2% và 41,1%. Nữ giới mắc nhiều triệu chứng đau vùng răng hàm mặt hơn so với nam giới. Các triệu chứng đau răng hàm mặt xuất hiện ở nhóm sinh viên đa khoa nhiều hơn so với nhóm sinh viên răng hàm mặt. *Kết luận:* Nhạy cảm ngà có tỷ lệ lớn nhất. Nữ giới mắc nhiều triệu chứng đau vùng răng hàm mặt hơn so với nam giới.

Từ khóa: Sinh viên, đau vùng răng hàm mặt.

Summary

Objective: Describe the condition of orofacial pain of a group of students of Hanoi Medical University. *Subject and method:* Sixth year students 2011 - 2017 Hanoi Medical school specialized in dentistry and general medicine. *Method:* Cross-sectional descriptive study. *Result:* Dentin sensitivity was highest (74.2%), severe facial pain was the lowest (4.8%). Symptoms of gum sensitivity or pain and arthralgia were 47.2% and 41.1%. Women had more symptoms of orofacial pain than men. The symptoms of orofacial pain appear in the group of general students more than the group of dental student. *Conclusion:* The dentin sensitivity was the largest ratio. Women had more symptoms of orofacial pain than men.

Keywords: Student, orofacial pain.

Ngày nhận bài: 28/8/2018, ngày chấp nhận đăng: 26/9/2018

Người phản hồi: Lê Long Nghĩa, Email: nghĩa.lelong@gmail.com - Trường Đại học Y Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Đau vùng răng hàm mặt có rất nhiều loại đau. Các nghiên cứu ở Brazil, Indonesia và Hồng Kông cho thấy, có hơn 40% bệnh nhân có đau vùng răng hàm mặt, trong đó chiếm tỷ lệ cao nhất là đau răng và nhạy cảm răng [2]. Ở Anh, 12% bệnh nhân có đau ở trong và xung quanh mắt, 10% đau ở vùng thái dương, 6% đau vùng trước tai và 6% đau khớp thái dương hàm. Tuy nhiên, chỉ có khoảng 46% bệnh nhân tìm đến các tư vấn và điều trị chuyên khoa từ các nha sỹ và bác sỹ [3].

Cảm giác đau ở mỗi người rất khác nhau, phụ thuộc vào nguyên nhân và ngưỡng chịu đau của từng người. Đau vùng răng hàm mặt (RHM) có thể xuất phát từ màng não, mắt, răng, niêm mạc miệng - mũi, khớp thái dương hàm hay đáp ứng của thần kinh V.

Đau vùng răng hàm mặt gây rất nhiều ảnh hưởng xấu đến sinh hoạt và chất lượng cuộc sống của người bệnh. Do đó, cần cung cấp kiến thức cơ bản về đau vùng răng hàm mặt cho cộng đồng. Việc phát hiện sớm và chẩn đoán đúng sẽ giúp điều trị tốt, làm giảm quá trình và mức độ nặng của bệnh. Tuy vậy, ở Việt Nam, hiện nay chưa có nghiên cứu cụ thể chuyên sâu để xác định tỷ lệ đau vùng răng hàm mặt. Để đưa ra những nghiên cứu bước đầu về đau vùng răng hàm mặt, chúng tôi thực hiện đề tài "Tình trạng đau vùng răng hàm mặt của một nhóm sinh viên chuyên khoa răng hàm mặt và đa khoa Trường

Đại học Y Hà Nội" với mục tiêu: *Mô tả tình trạng đau vùng răng hàm mặt của một nhóm sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội.*

2. Đối tượng và phương pháp

2.1. Đối tượng

Tiêu chuẩn lựa chọn: Sinh viên năm thứ 6 khóa 2011 - 2017 Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2016 - 2017 chuyên ngành răng hàm mặt (RHM) và đa khoa. Tự nguyện tham gia nghiên cứu sau khi đã hiểu rõ về mục đích nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Mắc các bệnh cấp tính, tâm thần, tự kỷ, không hợp tác.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu: Từ tháng 1/2017 đến tháng 4/2017, tại Trường Đại học Y Hà Nội.

2.2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu: Phương pháp nghiên cứu cắt ngang mô tả.

Cỡ mẫu nghiên cứu: 229 sinh viên.

2.3. Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu được sự đồng ý của sinh viên. Quá trình làm nghiên cứu không tiến hành thêm bất kỳ một thử nghiệm nào. Mọi thông tin thu thập được đảm bảo bí mật cho đối tượng lựa chọn, chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

3. Kết quả

Bảng 1. Tỷ lệ đau vùng răng hàm mặt theo giới và chuyên ngành

Đặc điểm		Nhóm có đau (229)		Nhóm không đau (42)		Tổng số	
		n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %
Giới	Nam	111	84,1	21	15,9	132	100
	Nữ	118	84,9	21	15,1	139	100
Chuyên ngành	Đa khoa	183	87,6	26	15,4	209	100
	RHM	46	74,2	16	25,8	62	100

Tỷ lệ đau vùng răng hàm mặt ở nam giới tương đương với nữ giới (84,1% và 84,9%). Nhóm sinh viên đa khoa có tỷ lệ đau vùng răng hàm mặt (87,6%) cao hơn nhóm sinh viên răng hàm mặt (74,2%).

Bảng 2. Tỷ lệ các triệu chứng đau vùng răng hàm mặt

Các triệu chứng đau vùng RHM	n = 229	Tỷ lệ %	p
Cơn đau tủy răng	65	28,4	<0,05
Nhạy cảm ngà	170	74,2	
Nhạy cảm lợi/ đau lợi khi chải răng	108	47,2	
Tiếng kêu khớp	101	41,1	
Đau vùng trước tai khi cử động hàm	27	11,8	
Đau/ căng môi cơ nhai khi ăn nhai	91	39,7	
Hạn chế há miệng hoặc co khít hàm	28	12,2	
Đau buốt dữ dội vùng mặt	11	4,8	

Trong số 229 đối tượng có tiền sử đau vùng răng hàm mặt trong vòng 6 tháng qua, triệu chứng nhạy cảm ngà có tỷ lệ lớn nhất với 74,2%, 108 đối tượng có nhạy cảm lợi hoặc đau lợi khi chải răng chiếm 47,2% và 101 đối tượng có tiếng

kêu khớp chiếm 41,1%. Triệu chứng đau buốt dữ dội vùng mặt có tỷ lệ thấp nhất với 4,8%. Các triệu chứng còn lại chiếm tỷ lệ từ 11,8% đến 39,7%. Các sự khác biệt trên có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

Bảng 3. Sự khác biệt về tỷ lệ các triệu chứng đau vùng răng hàm mặt theo giới

Triệu chứng	Nam (111)		Nữ (18)	
	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %
Cơn đau tủy răng	25	18,9	40	28,8
Nhạy cảm ngà	82	62,1	88	63,3
Nhạy cảm lợi/ đau lợi khi chải răng	57	43,1	51	36,7
Tiếng kêu khớp	47	35,6	54	38,8
Đau vùng trước tai khi cử động hàm	7	5,3	20	14,3
Đau/ căng môi cơ nhai khi ăn nhai	37	28	54	38,8
Hạn chế há/ co khít hàm	10	7,6	18	12,9
Đau buốt dữ dội vùng mặt	5	3,7	8	5,8

Các triệu chứng đau vùng răng hàm mặt xuất hiện nhiều hơn ở nữ giới, đặc biệt là triệu chứng đau vùng trước tai khi cử động hàm ở nữ cao gấp 2,7 lần nam. Triệu chứng nhạy cảm lợi hoặc có đau lợi khi chải răng,

nam giới có tỷ lệ cao hơn nữ giới (43,1% và 36,7%). Ở cả nam và nữ, triệu chứng nhạy cảm ngà có tỷ lệ cao nhất (62,1% và 63,3%), triệu chứng đau buốt dữ dội vùng mặt có tỷ lệ thấp nhất (3,7% và 5,8%).

Bảng 4. Sự khác biệt về tỷ lệ các triệu chứng đau vùng răng hàm mặt theo chuyên ngành

Triệu chứng	Đa khoa (183)		RHM (46)	
	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %
Cơn đau tủy răng	59	28,2	6	13
Nhạy cảm ngà	134	64,1	36	58,1
Nhạy cảm lợi/ đau lợi khi chải răng	100	47,8	8	12,9
Tiếng kêu khớp	75	35,8	26	41,9
Đau vùng trước tai khi cử động hàm	24	11,4	3	4,8
Đau/ căng mỏi cơ nhai khi ăn nhai	70	33,5	21	33,9
Hạn chế há/ cơ khít hàm	27	12,9	1	1,6
Đau buốt dữ dội vùng mặt	13	7,1	0	0

Các triệu chứng đau răng hàm mặt xuất hiện ở nhóm sinh viên đa khoa nhiều hơn so với nhóm sinh viên RHM. Triệu chứng đau buốt dữ dội vùng mặt chỉ gặp ở nhóm sinh viên đa khoa. Triệu chứng tiếng kêu khớp ở nhóm sinh viên RHM cao hơn nhóm sinh viên đa khoa (41,9% và 35,8%).

4. Bàn luận

Đau vùng răng hàm mặt được ghi nhận khi đối tượng có ít nhất 1 triệu chứng đau trong phiếu khảo sát đau. So sánh với nghiên cứu của McMillan AS, Wong M và cộng sự tiến hành năm 2006 trên 1222 đối tượng độ tuổi từ 18 đến 65 tuổi ở Hồng Kông, tỷ lệ đau vùng răng hàm mặt mà tôi thu được cao hơn (kết quả nghiên cứu của McMillan AS, Wong M và cộng sự là 41,6%) [2]. Nghiên cứu của chúng tôi được tiến hành trên đối tượng là sinh viên tuổi trẻ từ 23 đến 25 tuổi thường có tỷ lệ đau vùng răng hàm mặt cao hơn so với những nhóm tuổi khác [4], [5], đồng thời cỡ mẫu nghiên cứu của McMillan AS và cộng sự cao gấp 4,5 lần so với cỡ mẫu của tôi, điều này giải thích cho sự khác biệt về tỷ lệ đau răng hàm mặt giữa hai nghiên cứu.

Bảng 1 thể hiện tỷ lệ đau vùng răng hàm mặt theo giới và theo chuyên ngành: Tỷ lệ đau ở nam và nữ là tương đương nhau (84,1% và 84,9%), kết quả này phù hợp với nghiên cứu McMillan AS, Wong M ở Hồng Kông năm 2006 [2] và Locker D, Grushka M ở Canada năm 1987 [4]. Một số nghiên cứu khác như nghiên cứu của Sonja Smiljic, Sladjana Savic và cộng

sự năm 2016 ở Serbia lại cho thấy tỷ lệ đau vùng răng hàm mặt ở nữ giới cao gấp 1,8 lần so với nam giới [6].

Nhóm sinh viên đa khoa có tỷ lệ đau vùng răng hàm mặt cao hơn so với nhóm sinh viên răng hàm mặt cùng khóa (87,6% và 74,2%). Điều này có thể giải thích do nhóm sinh viên khoa răng hàm mặt có chuyên ngành học là răng hàm mặt nên được học và hiểu rõ các triệu chứng đau vùng răng hàm mặt, có thể có ý thức tự bảo vệ cũng như chăm sóc sức khỏe vùng đầu - mặt - cổ hơn so với sinh viên đa khoa, hoặc trong quá trình lấy số liệu, các sinh viên chưa hiểu hết câu hỏi dẫn đến sai số nghiên cứu.

Trong các triệu chứng đau vùng răng hàm mặt, nhạy cảm ngà có tỷ lệ lớn nhất với 74,2%, nhạy cảm lợi hoặc có đau lợi khi chải răng chiếm 47,2% và tiếng kêu khớp chiếm 41,1%. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Locker D, Grushka M trên 1.014 người rút ra từ danh sách cử tri ở Thành phố Toronto - Canada năm 1987 (thu được tỷ lệ nhạy cảm ngà cao nhất với 28,8% và nhạy cảm lợi hoặc có đau lợi khi chải răng chiếm 26,3%) [4]. Nhưng có sự khác biệt với kết quả nghiên cứu của Akshay Shetty và cộng sự trên 2.200 bệnh nhân ở Đại học Sri Rajiv Gandhi, Ấn Độ (triệu chứng đau và khó chịu ở lợi cao nhất với 75%, đau do rối loạn khớp thái dương hàm chiếm 13%) [7]. Tỷ lệ mắc các triệu chứng đau vùng RHM có sự khác nhau giữa các nghiên cứu, có thể do các nghiên cứu được thực hiện ở các cộng đồng và

đối tượng khác nhau, có sự khác biệt về lối sống, trình độ nhận thức, thói quen ăn uống...

Triệu chứng đau buốt vùng mặt chiếm tỷ lệ thấp nhất 4,8%, phù hợp với nghiên cứu của McMillan AS, Wong M ở Hồng Kông năm 2006 [2] và nghiên cứu của Macfarlane TV và Blinkhorn AS năm 2002 ở Anh [3]. Trong nghiên cứu của tôi, câu hỏi về triệu chứng đau buốt dữ dội vùng mặt thuộc nhóm kiểu đau thần kinh V. Mặt khác, đau thần kinh V chủ yếu gặp ở lứa tuổi trung niên trên 50 tuổi, trong khi đối tượng nghiên cứu ở đây là sinh viên y khoa năm thứ 6 tuổi trẻ từ 23 đến 25 tuổi, nên tỷ lệ triệu chứng đau buốt dữ dội vùng mặt là thấp nhất.

Nữ giới có nhiều triệu chứng đau răng hàm mặt hơn so với nam giới, đặc biệt là triệu chứng đau vùng trước tai khi cử động hàm ở nữ cao gấp 2,7 lần nam (Bảng 3). Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Sonja Smiljic, Sladjana Savic và cộng sự năm 2016 ở Serbia [6]. Nghiên cứu về sự khác biệt các triệu chứng đau vùng răng hàm mặt theo giới và tuổi của JL. Riley và GH. Gilbert năm 2000 cũng cho thấy nữ giới có nguy cơ cao hơn ở triệu chứng đau ở khớp thái dương hàm và đau ở mặt [1]. Lý giải điều này là do sự khác nhau về sinh lý giữa hai giới. Nữ giới có sự nhạy cảm sinh học cao hơn so với nam giới và có chu kì kinh nguyệt liên quan đến các đáp ứng đau. Cùng một mức độ kích thích, nữ giới có ngưỡng đau thấp hơn. Sự thay đổi nồng độ hormone estrogen cũng liên quan đến nguy cơ mắc rối loạn khớp thái dương hàm cũng như các bệnh khớp khác ở phụ nữ. Mặt khác có thể do các yếu tố tâm lý xã hội mà nữ giới dễ dàng chấp nhận có đau hơn so với nam. Như vậy, các yếu tố sinh lý học, tâm lý và các yếu tố xã hội đã tạo ra sự khác biệt đáng kể với đáp ứng đau theo giới.

Bảng 4 cho thấy, các triệu chứng đau răng hàm mặt xuất hiện ở nhóm sinh viên đa khoa nhiều hơn so với nhóm sinh viên răng hàm mặt. Triệu chứng đau buốt dữ dội vùng mặt chỉ gặp ở nhóm sinh viên đa khoa. Triệu chứng tiếng kêu khớp ở nhóm sinh viên răng hàm mặt cao hơn không đáng kể so với nhóm sinh viên đa khoa (41,9% và 35,8%). Điều này có thể giải thích do phiếu khảo sát đau vùng răng hàm mặt ghi nhận các triệu chứng đau trong vòng 6 tháng gần đây. Trong khi, các sinh viên chuyên ngành răng hàm mặt đã được học và thực hành

khám chữa chuyên khoa dưới sự hướng dẫn của các giảng viên Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt từ năm học thứ 4, cho nên đã được điều trị một số bệnh lý răng hàm mặt trước đó, dẫn tới tỷ lệ mắc các triệu chứng nghiên cứu cũng thấp hơn so với sinh viên đa khoa. Mặt khác, các sinh viên răng hàm mặt có ý thức tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe vùng đầu - mặt - cổ tốt hơn so với nhóm sinh viên đa khoa.

5. Kết luận

Tỷ lệ các triệu chứng đau vùng răng hàm mặt: Nhạy cảm ngà có tỷ lệ lớn nhất (74,2%), đau buốt dữ dội vùng mặt có tỷ lệ thấp nhất (4,8%). Triệu chứng nhạy cảm lợi hoặc có đau lợi khi chải răng và triệu chứng tiếng kêu khớp chiếm tỷ lệ cao với 47,2% và 41,1%.

Nữ giới mắc nhiều triệu chứng đau vùng răng hàm mặt hơn so với nam giới. Triệu chứng đau vùng trước tai khi cử động hàm ở nữ cao gấp 2,7 lần nam.

Các triệu chứng đau răng hàm mặt xuất hiện ở nhóm sinh viên đa khoa nhiều hơn so với nhóm sinh viên răng hàm mặt. Triệu chứng đau buốt dữ dội vùng mặt chỉ gặp ở nhóm sinh viên đa khoa.

Tài liệu tham khảo

1. Trịnh Đình Hải (2013) *Bệnh học quanh răng*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, tr. 50-58.
2. McMillan AS, Wong M, CZheng J, Lam CL (2006) *Prevalence of orofacial pain and treatment seeking in Hong Kong Chinese*. J Orofac Pain 20: 218-225.
3. Macfarlane TV, Blinkhorn AS, Davies RM, Kincey J, Worthington HV (2002) *Oro-facial pain in the community: Prevalence and associated impact*. Community Dent Oral Epidemiol.
4. Locker D, Grushka M (1987) *Prevalence of oral and facial pain and discomfort: Preliminary results of a mail survey*. Community Dent Oral Epidemiol 15: 169-172.
5. Keogh E (2008) *Sex differences in pain*. Rev Pain 2.
6. Mirjana Kostic, Sonja Smiljic, Jasmina Stevanovic (2016) *Prevalence and characteristics of orofacial pain in university students*. Journal of Oral Science 1: 7-13.
7. Akshay S, Leena J, Tejavathi N et al (2015) *Epidemiology of orofacial pain: A retrospective study*. Journal of Advanced Clinical and Research Insights 2: 12-15.